TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2017
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyến, Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị Thương, Giáo viên tâm lý giáo dục Trường đại học Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79B/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1987. Địa chỉ nơi ở: tổ 3, khu Bí Trung 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 9, khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc C, sinh năm 1984. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 9, khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Ngọc C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 19/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với

nhau tại nhà mẹ đẻ của anh C ở tổ 9, khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đầu năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ của mình ở tổ 3, khu Bí Trung 1, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí sinh sống.

Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 08/11/2013, hiện nay vẫn do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không có; đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của chị L:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian, đến năm 2016 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh C mải chơi, không chăm sóc gia đình, con cái, ngoại tình và nhiều lần đánh đập chị. Chị không chịu đựng được phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh C từ đó đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản yêu cầu anh C đến trụ sở Tòa án để làm việc nhưng anh C không có mặt.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, bà Nguyễn Thị Thanh V là tổ trưởng tổ 9, khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - nơi anh C và chị L đã từng sinh sống cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống giữa anh C và chị L như nội dung nêu trên là đúng sự thật. Theo bà, anh C làm nghề tự do, không thường xuyên có mặt ở nhà, thỉnh thoảng mới về. Hiện nay, chị L và anh C đã sống ly thân nhau, chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của mình sinh sống, còn bà N (mẹ của anh C) và anh C cũng không thường xuyên có mặt ở nhà.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

Về quan điểm giải quyết vụ án:

1) Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;

2) Giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con;

3) Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ cho bị đơn theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn không đến trụ sở Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung**:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Ngọc C có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo tổ chức tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành do anh C không đến trụ sở Tòa án để làm việc. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng hai bên sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa, thực tế đời sống vợ chồng không tồn tại, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế hiện nay và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh C có 01 con chung, tuổi còn nhỏ và đang ở với mẹ ổn định từ trước cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con mới đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của con. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không có; đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, các điều 81,

82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hồng L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Ngọc C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Tiến Đ, sinh ngày 08/11/2013 cho chị Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3 Anh Trần Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4 Anh Trần Ngọc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

2.5. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001813 ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị Hồng L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- UBND P. Thanh Sơn, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

Nguyễn Thành Lâm